

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1
(Đợt thi 07,08 tháng 12 năm 2024)
(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2025)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA12103	21810850411	Lê Thị Ánh	Nhật	03/01/2003	15,5	18,0	19,50	14,0	67,0	
2	TA12105	19810310495	Đỗ Hồng	Phong	12/12/2000	15,5	18,0	30,00	16,0	79,5	
3	TA12106	20810310505	Vũ Hải	Phong	28/07/2002	14,5	17,0	13,50	16,0	61,0	
4	TA12121	20810340221	Vũ Bá	Tân	15/03/2002	7,5	10,0	16,50	18,0	52,0	
5	TA12128	20810310377	Vũ Xuân	Tuyên	20/04/2002	14,5	18,0	25,00	20,0	77,5	
6	TA12135	20810620066	Nghiêm Đức	Thắng	27/11/2002	13,5	0,0	0,00	14,0	27,5	
7	TA12138	20810000431	Hoàng Thị Bích	Thùy	3/21/0002	14,5	9,0	7,00	20,0	50,5	
8	TA12141	22810850003	Chu Minh	Trang	09/02/2004	18,5	18,0	20,50	17,0	74,0	
9	TA12143	21810810138	Vũ Thu	Trang	10/10/2003	17,5	18,0	24,00	17,0	76,5	
10	TA12144	21810310127	Ứng Ngọc	Trí	21/08/2003	18,5	15,0	19,00	16,0	68,5	
11	TA12145	20810540334	Nguyễn Kiên	Trung	30/12/2002	16,5	14,0	24,00	15,0	69,5	
12	TA12147	21810710278	Bùi Khả	Văn	08/06/2003	16,5	15,0	13,00	21,0	65,5	
13	TA12159	21810820273	Lê Phương	Anh	20/12/2003	20,5	16,0	26,50	21,0	84,0	
14	TA12173	20810430276	Vũ Đức	Anh	28/02/2002	15,5	16,0	26,50	20,0	78,0	
15	TA12174	21810510010	Đặng Thị Phương	Ánh	06/08/2003	15,5	18,0	26,50	22,0	82,0	
16	TA12182	20819110056	Nguyễn Việt	Cường	18/06/2002	17,5	18,0	22,50	22,0	80,0	
17	TA12196	19810430194	Chu Đình Ánh	Đạo	22/07/2000	14,5	15,0	25,00	23,0	77,5	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 17 thí sinh

Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

1, Tổng điểm đạt: 65/100,

2, Kỹ năng nghe tối thiểu 8/25, Kỹ năng nói tối thiểu 7/20, Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25.